

Số: 912 /QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17/11/2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên ban hành theo Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 4668/QĐ-ĐHQGHN ngày 10/12/2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo ở Đại học Quốc gia Hà Nội, ban hành theo Quyết định số 1366/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/04/2012 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng chuyên ngành Kế toán, mã số: 8340301.01.

Điều 2. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo, Trưởng Ban Kế hoạch Tài chính, Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT, T10.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Sơn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG
Chuyên ngành: Kế toán

(Ban hành kèm theo Quyết định số 912 /QĐ-ĐHQGHN, ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo

+ Tiếng Việt: Kế toán

+ Tiếng Anh: Accounting

- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8340301.01

- Tên ngành đào tạo

+ Tiếng Việt: Kế toán

+ Tiếng Anh: Accounting

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Tên văn bằng:

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Kế toán

+ Tiếng Anh: The Degree of Master in Accounting

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Kinh tế (Trường ĐHKT), Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN)

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình thạc sĩ Kế toán định hướng ứng dụng nhằm đào tạo những cán bộ quản lý cấp trung, trưởng/phó bộ phận làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp (gọi chung là các đơn vị)...., có năng lực điều hành và tổ chức thực thi các hoạt động liên quan đến lĩnh vực kế toán của các đơn vị.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình thạc sĩ Kế toán định hướng ứng dụng trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về kế toán như kế toán tài chính, kế toán công, kế toán quản

trị, kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo, kế toán thuế, phân tích hoạt động kinh doanh, phân tích tài chính... Người học có kỹ năng tổ chức và thực hành các nghiệp vụ kế toán, kiểm toán, phân tích tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh tại các đơn vị, vận dụng linh hoạt và sáng tạo các kiến thức và kỹ năng vào thực tiễn, có năng lực sáng tạo, phát triển trong nghề nghiệp.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Phương thức tuyển sinh

Thi tuyển với các môn thi sau đây:

+ Môn cơ bản: Đánh giá năng lực

+ Môn cơ sở: Nguyên lý kế toán

+ Môn ngoại ngữ: Tiếng Anh

3.2. Đối tượng tuyển sinh

3.2.1. Điều kiện văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kế toán hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về Kế toán, Kiểm toán;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần thuộc nhóm 1 và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 5 học phần (15 tín chỉ); hoặc có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần thuộc nhóm 2 và đã có Chứng chỉ kế toán viên/hoặc kế toán trưởng và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 7 học phần (21 tín chỉ);


- Danh mục ngành gần thuộc nhóm 1 và nhóm 2 được quy định tại mục 3.2.3

3.2.2 Điều kiện về kinh nghiệm công tác

- Những người có bằng tốt nghiệp loại khá trở lên và không thuộc diện phải học bổ sung kiến thức được dự thi ngay;

- Những người có bằng tốt nghiệp đại học dưới loại khá hoặc thuộc diện phải học bổ sung kiến thức phải có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, kinh doanh tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học tới ngày dự thi;

3.2.3 Danh mục các ngành phù hợp, ngành gần

- Danh mục các ngành phù hợp: Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kế toán; Kiểm toán. 

- Danh mục các ngành gần:

+ Nhóm 1: Tài chính Ngân hàng, Bảo hiểm, Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại.

+ Nhóm 2: Kinh tế, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế.

3.3. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

- Đối với đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học (nhóm 1) ngành Tài chính Ngân hàng, Bảo hiểm, Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, danh mục các học phần bổ sung kiến thức gồm 5 học phần (15 tín chỉ):

STT	Học phần	Số tín chỉ
1	Nguyên lí kế toán	03
2	Tài chính doanh nghiệp	03
3	Kế toán tài chính	03
4	Hệ thống thông tin kế toán	03
5	Kiểm toán tài chính	03
	Tổng cộng	15

- Đối với đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học (nhóm 2) ngành Kinh tế, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, danh mục các học phần bổ sung kiến thức gồm 7 học phần (21 tín chỉ):

STT	Học phần	Số tín chỉ
1	Nguyên lí kế toán	03
2	Tài chính doanh nghiệp	03
3	Kế toán tài chính	03
4	Hệ thống thông tin kế toán	03
5	Kiểm toán tài chính	03
6	Kế toán quản trị	03
7	Phân tích tài chính	03
	Tổng cộng	21

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn về kiến thức chuyên môn, năng lực chuyên môn

1.1. Kiến thức chuyên môn

1.1.1. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành

Học viên sau khi tốt nghiệp có thể vận dụng các kiến thức cơ sở về thu thập thông tin, phân tích và tổng hợp dữ liệu thống kê kinh tế; Vận dụng được những kiến thức cơ bản của kinh tế học vào công việc chuyên môn, nghề nghiệp; Xây dựng và lựa chọn được phương thức quản lý nhóm làm việc hiệu quả. Có khả năng quản lý và điều hành nhóm.

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo có kiến thức chuyên sâu về kế toán; có thể giải quyết các công việc phức tạp trong lĩnh vực chuyên sâu của kế toán, kiểm toán. Có khả năng thực hiện quản lý các cấp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán hoặc các lĩnh vực liên quan.

Có khả năng tiếp tục tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và nâng cao trình độ học tập, nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán hay các lĩnh vực liên quan.

1.1.2. Yêu cầu đối với luận văn

Luận văn tốt nghiệp là học phần bắt buộc, học viên thực hiện vào cuối quá trình đào tạo. Trên cơ sở vận dụng các vấn đề lý thuyết, luận văn phải phát hiện và tập trung giải quyết được một hoặc một vài vấn đề thực tiễn. Từ đó, đề xuất các giải pháp hoặc kiến nghị giúp giải quyết vấn đề đã đưa ra. Các giải pháp phải chứng tỏ quan điểm của cá nhân của học viên và có tính khả thi.

1.2. Năng lực chuyên môn

- Thực hiện được công việc kế toán trong các đơn vị từ dự toán, kế toán, phân tích, định giá,... quản trị được nguồn lực của doanh nghiệp dạng tài sản, nguồn vốn với các khoản mục cụ thể từ tài sản sử dụng, tài sản đầu tư và các khoản mục khác.

- Thực hiện và quản trị được các vấn đề trong theo dõi, quản lý nguồn vốn, quản trị tài sản - nợ, quản trị thanh khoản, quản trị danh mục đầu tư trong doanh nghiệp, các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

- Phát hiện, phân tích và xử lý được các vấn đề về thuế và các khoản chi phí, giá thành của đơn vị;

- Thực hiện được công việc kiểm toán, phân tích của các đơn vị ở các hình thức kiểm toán nội bộ hay ở hoạt động dịch vụ kiểm toán.

- Lên kế hoạch và triển khai được các hoạt động tư vấn kế toán, kiểm toán, phân tích một cách độc lập.

1.3. Trình độ ngoại ngữ

Học viên sau khi tốt nghiệp có chuẩn đầu ra ngoại ngữ tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Chuẩn về kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Dự toán, kế toán, phân tích được các thông tin kế toán về nguồn lực của doanh nghiệp dạng tài sản, nguồn vốn với các khoản mục cụ thể từ tài sản sử dụng, tài sản đầu tư và các khoản mục khác;

- Phát hiện, phân tích và xử lý được các vấn đề trong theo dõi, quản trị nguồn vốn, quản trị tài sản - nợ, quản trị thanh khoản, quản trị danh mục đầu tư trong doanh nghiệp, các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp;

- Phát hiện, phân tích và xử lý được các vấn đề về thuế và các khoản chi phí, giá thành, định giá bán sản phẩm của đơn vị;

- Thực hiện được công việc kiểm toán, phân tích của các đơn vị ở các hình thức kiểm toán nội bộ hay ở hoạt động dịch vụ kiểm toán;

- Lập kế hoạch và triển khai được các hoạt động tư vấn kế toán, thuế, kiểm toán, phân tích một cách độc lập;

- Kỹ năng tự đào tạo để thích ứng với những yêu cầu đa dạng của thực tiễn công tác.


2.2. Kỹ năng bổ trợ

- Có khả năng làm việc độc lập, mạnh dạn, sáng tạo;

- Có khả năng phối hợp, làm việc nhóm, cộng tác chia sẻ để hoàn thành nhiệm vụ;

- Có kỹ năng quản lý và lãnh đạo;

- Có kỹ năng giao tiếp tốt;

- Có thể sử dụng tiếng Anh chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn; 

- Có thể sử dụng thành thạo các phần mềm tin học phục vụ công tác chuyên môn: các phần mềm kế toán, phân tích, thống kê,...

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn.

4. Chuẩn về phẩm chất đạo đức

4.1. Trách nhiệm công dân

Tôn trọng pháp luật, có lối sống tích cực, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng.

4.2. Đạo đức, ý thức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, thái độ phục vụ

- Phẩm chất đạo đức cá nhân: Có ý thức trách nhiệm trong công việc; tự tin, sáng tạo; tinh thần hợp tác và thái độ phục vụ tốt;

- Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: Trung thực, cẩn thận, đáng tin cậy, tuân thủ kỷ luật của tổ chức, tác phong làm việc chuyên nghiệp.

4.3. Thái độ tích cực, yêu nghề

- Có ý thức phát triển nghề nghiệp, có ý thức chấp hành tốt các chế độ, chính sách về quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, phân tích;

- Có ý thức tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp chuyên môn.

5. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Nhóm 1 - Cán bộ quản lý cấp trung, trưởng phó bộ phận phụ trách tài chính - kế toán làm việc tại các doanh nghiệp, các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và các tổ chức khác.

Nhóm 2 - Cán bộ quản lý cấp trung, trưởng nhóm phân tích và tư vấn, tài chính, kế toán, kiểm toán nội bộ làm việc tại các ngân hàng, các định chế tài chính

(công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm, quỹ đầu tư.....), các cơ quan nhà nước và các tổ chức khác.

Nhóm 3 - Cán bộ quản lý cấp trung, trưởng nhóm kiểm toán, định giá, tư vấn tại các cơ quan kiểm toán, thanh tra của Nhà nước, các công ty kiểm toán, các công ty dịch vụ trong lĩnh vực kiểm toán, kế toán, dịch vụ kế toán, tư vấn chuyên môn.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể tiếp tục học tập bậc tiến sĩ trong lĩnh vực Kế toán và lĩnh vực khác có liên quan.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ:	64 tín chỉ, trong đó:
- Khối kiến thức chung	8 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	47 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc</i> :	<i>25 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn</i> :	<i>22 tín chỉ/ 44 tín chỉ</i>
- Luận văn :	9 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		8				
1	PHI 5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	0	
2	ENG 5001	Tiếng Anh cơ bản (*) <i>English for General Purposes</i>	4	40	20	0	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		47				
II.1	Các học phần bắt buộc		25				
3	FAA 6001	Kế toán quốc tế nâng cao <i>Advanced International Accounting</i>	2	20	10	0	
4	FAA 6002	Phân tích hoạt động kinh doanh nâng cao <i>Advanced Business Analysis</i>	3	30	15	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
5	FAA 6003	Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm <i>Auditing and Assurance Services</i>	3	30	15	0	
6	FAA 6004	Kế toán thuế nâng cao <i>Advanced Tax Accounting</i>	3	30	15	0	
7	FAA 6005	Đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán <i>Professional Ethics in Accounting and Auditing</i>	3	30	15	0	
8	FIB 6007	Kế toán tài chính nâng cao <i>Advanced Financial Accounting</i>	3	30	15	0	
9	FIB 6003	Tài chính doanh nghiệp nâng cao <i>Advanced Corporate Finance</i>	3	30	15	0	
10	FAA 6006	Quản trị chi phí chiến lược <i>Strategic Cost Management</i>	3	30	15	0	
11	INE 6001	Thiết kế nghiên cứu luận văn <i>Dissertation Research Design</i>	2	20	10	0	
II.2	Các học phần tự chọn		22/44				
12	FAA 6007	Kế toán công nâng cao <i>Advanced Public Accounting</i>	2	20	10	0	
13	FAA 6008	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao <i>Advanced Accounting Information systems</i>	2	20	10	0	
14	FIB 6008	Kế toán quản trị nâng cao <i>Advanced Management Accounting</i>	3	30	15	0	
15	FAA 6009	Kiểm toán nội bộ nâng cao <i>Advanced Internal Auditing</i>	2	20	10	0	
16	FAA 6010	Những vấn đề hiện tại của kế toán nâng cao <i>Advanced Comtemporary Issues on Accounting</i>	3	30	15	0	
17	FIB 6010	Tài chính doanh nghiệp quốc tế <i>International Corporate Finance</i>	2	20	10	0	
18	FIB 6101	Thuế quốc tế <i>International Tax</i>	3	30	15	0	
19	FIB 6137	Tài chính công nâng cao <i>Advanced Public Finance</i>	3	30	15	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
20	FIB 6001	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính: Lí thuyết và thực tiễn <i>Money, Banking and Financial Markets: Theory and Practice</i>	3	30	15	0	
21	BSA 6026	Quản trị rủi ro <i>Risk Management</i>	3	25	20	0	
22	BSA 6004	Quản trị chiến lược nâng cao <i>Advanced Strategic Management</i>	3	25	20	0	
23	BSA 6016	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao <i>Advanced Human Resource Management</i>	3	25	20	0	
24	BSA 6021	Quản trị công ty nâng cao <i>Advanced Corporate Governance</i>	3	30	15	0	
25	BSA 6036	Quản trị Marketing nâng cao <i>Advanced Marketing Management</i>	3	30	15	0	
26	FIB 6004	Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư <i>Investment Analysis and Portfolio Management</i>	3	30	15	0	
27	FIB 6115	Phân tích tài chính nâng cao <i>Advanced Financial Analysis</i>	3	30	15	0	
III	FAA 7001	Luận văn thạc sĩ	9				
Tổng cộng			64				

Ghi chú: (*) Học phần Tiếng Anh cơ bản là học phần điều kiện, có khối lượng 4 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần Tiếng Anh không tính trong điểm trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.